

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 451/2020/DS-PT

Ngày: 23-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 542/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà ấp B1, xã BPT, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 1974.

2. Bà Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số nhà ấp LT, xã LTr, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2019, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi

triệu đồng), thỏa thuận trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng, hạn 10 ngày sau trả gốc và lãi với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Sau khi vay tiền thì ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr chỉ trả cho bà số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), trả vào đầu tháng 01 năm 2020. Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr trả cho bà tiền gốc và tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi tháng thứ nhất tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2019 đến ngày 04 tháng 01 năm 2020 là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 1 \text{ tháng} = 4.150.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Minh T, bà Thu Tr đã trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên trừ tiền lãi, còn lại trừ vào tiền gốc, cụ thể: $5.000.000 \text{ đồng} - 4.150.000 \text{ đồng} = 850.000 \text{ đồng}$ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, tiền gốc bà Tr và ông T còn nợ: $250.000.000 \text{ đồng} - 850.000 \text{ đồng} = 249.150.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr trả tiền lãi tính từ ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến ngày 04 tháng 8 năm 2020 là 7 tháng, cụ thể:

$249.150.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 28.951.230 \text{ đồng}$ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr trả số tiền gốc là 249.150.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi 28.951.230 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi đồng) và trả lãi khi chậm trả. Hạn cuối cùng trả toàn bộ số tiền là 14 tháng 11 năm 2020. Đối với giấy hẹn 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D không có cho bà Tr và ông T vay tiền vào tháng 6 năm 2019 với số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) như bà Tr trình bày. Ông Võ Văn K, sinh năm 1957 là chồng bà D sống cùng địa chỉ của bà D. Còn ông Nguyễn Hoàng V là ai thì bà không biết, giữa bà và bà Tr có vay tiền nhiều lần, bà Tr vay để đáo nợ ngân hàng, hiện nay bà Tr và ông T chỉ còn nợ bà 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà không đồng ý trừ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) vào nợ gốc sau khi đối trừ tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tiền lãi tính từ ngày vay ngày 01 tháng 6 năm 2019 theo yêu cầu của bà Tr. Số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bà Tr gửi vào tài khoản của ông K là khoản tiền lãi trả cho khoản vay khác. Bà giữ nguyên yêu cầu về thời hạn trả tiền.

Bà Trương Thị Thu Tr là bị đơn trình bày:

Bà đã vay tiền của bà Nguyễn Thị D từ đầu tháng 6 năm 2019 với số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và trả lãi hàng ngày, mỗi ngày tiền lãi là 2.000.0000 đồng (Hai triệu đồng). Bà trả lãi cho bà D trong thời gian dài. Đến ngày 04 tháng 12 năm 2019, bà và ông Nguyễn Văn Minh T ký giấy nhận vay với số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hạn

10 ngày sau trả gốc và lãi với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo giấy nợ tiền ngày 04 tháng 12 năm 2019. Sau đó thì bà và ông Nguyễn Văn Minh T chỉ trả cho bà D số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả vào đầu tháng 01 năm 2020.

Trước đây, bà và ông Nguyễn Văn Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết đòi trừ tiền lãi đã trả cho bà D từ đầu tháng 6 năm 2019 đến ngày 04 tháng 12 năm 2019, cụ thể:

Trả cho ông Nguyễn Hoàng V là người được bà D kêu đi xuống nhà bà lấy tiền lãi, khi trả tiền lãi bà gọi điện thoại báo cho bà D biết, trả tiền lãi cho ông V vào ngày 25 tháng 6 năm 2019 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ngày 05 tháng 7 năm 2019 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ngày 17 tháng 7 năm 2019 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); ngày 25 tháng 8 năm 2019 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); ngày 05 tháng 9 năm 2019 trả 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Chuyển khoản cho ông Võ Văn K, sinh năm 1957 là chồng của bà D với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng trả tiền lãi là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng). Ngoài ra, bà còn trả cho bà D nhiều lần nhưng không có viết biên nhận. Do đó, bà chỉ yêu cầu đòi trừ 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) vào nợ gốc sau khi trừ tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tiền lãi tính từ ngày vay ngày 01 tháng 6 năm 2019.

Trước đây vào khoảng tháng 6 năm 2019, bà có vay tiền của bà D để đáo nợ Ngân hàng với số tiền vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) nhưng đã trả xong cho bà D và xé giấy nhận vay tiền, còn trả lãi bà trực tiếp trả cho bà D, bà D không viết giấy trả tiền lãi.

Hiện nay, bà không cung cấp được địa chỉ của ông Nguyễn Hoàng V và không có chứng cứ vay tiền vào tháng 6 năm 2019, không có chứng cứ trả tiền lãi nên bà và ông T đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà D nhưng hiện nay kinh tế gia đình khó khăn, bà và ông T không có khả năng trả cho bà D một lần, bà yêu cầu bà D cho bà và ông T trả nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi xong nợ.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Áp dụng các Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc buộc ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền là 278.101.230 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là 249.150.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 28.951.230 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 7.921.910 đồng (Bảy triệu chín trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười đồng), theo biên lai số 0000463 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr phải chịu số tiền là 13.905.061 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn không trăm sáu mươi một đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 30/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn Minh T kháng cáo không đồng ý trả số tiền 278.101.230 đồng cho bà D làm một lần mà xin trả dần tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên vì hoàn cảnh gia đình của ông hiện nay đang gặp khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 278.101.230 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó vốn gốc là 249.150.000 đồng và tiền lãi là 28.951.230 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Văn Minh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả số tiền 278.101.230 đồng làm một lần và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên vì hoàn cảnh của ông hiện nay đang gặp khó khăn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho nguyên đơn cho đến khi trả hết số nợ gốc và lãi là 278.101.230 đồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn

Văn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh T được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr. Các bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 04/12/2019, ông Nguyễn Văn Minh T và bà Trương Thị Thu Tr có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền 250.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng, hạn 10 ngày sau trả gốc và trả lãi với số tiền 30.000.000 đồng. Hết thời hạn trả nợ, ông Minh T và bà Thu Tr vẫn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đến tháng 01/2020 ông Minh T và bà Thu Tr trả cho bà D số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 04/12/2019 đến ngày 04/8/2020, thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 249.150.000 đồng tiền gốc và 28.951.230 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh T: ông Minh T kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 278.101.230 đồng còn nợ bà D vì hoàn cảnh gia đình của ông hiện nay đang gặp khó khăn nhưng không được bà D đồng ý. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng của ông Minh T.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm

2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 37, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr.

Buộc ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền là 278.101.230 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm lẻ một nghìn hai trăm ba mươi đồng), trong đó vốn gốc là 249.150.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 28.951.230 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Minh T, bà Trương Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.905.061 đồng (Mười ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn không trăm sáu mươi một đồng).

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà D 7.921.910 đồng (Bảy triệu chín trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000463 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Minh T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Ngọc Yến